

Số: 5867/QĐ-UBND

Cầu Ngang, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông
thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2018 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình rà soát lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Căn cứ Công văn 484/SXD-QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của Ủy ban

nhân dân huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 5638/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;

Theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

1. Tên Đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên Đồ án: Đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, có diện tích tự nhiên khoảng 3.417,44 ha, với tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Sông Cổ Chiên.

+ Phía Tây giáp: Xã Kim Hòa.

+ Phía Nam giáp: Xã Mỹ Hòa.

+ Phía Bắc giáp: Xã Hưng Mỹ và xã Phước Hảo, huyện Châu Thành.

Bao gồm 10 ấp: Rẫy A, Rẫy, Thôn Rôn, Trà Cuôn, Cà Tum A, Cà Tum B, Chà Và, Giồng Lớn, Vĩnh Cửu và Mai Hương.

1.3. Cơ quan tổ chức điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim.

1.4. Cơ quan thẩm định, phê duyệt Đồ án:

- Cơ quan thẩm định Đồ án: Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới huyện Cầu Ngang.

- Cơ quan phê duyệt Đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang.

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Phù hợp với các tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 được ban hành tại Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 và Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Làm cơ sở để định hướng xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy định.

- Xây dựng phát triển hệ thống không gian phù hợp với từng đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư và hạ tầng kỹ thuật, môi trường,...

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

- Là khu quy hoạch mới kết hợp với chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân cư mới.

- Đối với khu vực trung tâm xã: chức năng chính của khu quy hoạch là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã gắn với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra trong khu quy hoạch còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, TDTT, các công trình công cộng khác,...

- Là xã có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển thủy sản, cây màu, nông nghiệp gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

* **Giai đoạn 2018 -2020:** Quy mô dân số nông thôn hiện hữu là 17.268 người (thống kê huyện Cầu Ngang năm 2017).

- Dân số: 17.268 người.

- Lao động tham gia lĩnh vực nông nghiệp chiếm: 55%.

- Lao động tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm: 45%.

- Tổng thu nhập ròng đạt 675,83 tỷ đồng. Thu nhập bình quân: 50,69 triệu đồng/năm.

*** Giai đoạn 2020 -2025:**

- Dân số: 18.643 người.

- Lao động tham gia lĩnh vực nông nghiệp chiếm: 50,0%.

- Lao động tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm: 50,0%.

- Tổng thu nhập ròng đạt 896,25 tỷ đồng. Thu nhập bình quân: 63,94 triệu đồng/năm.

*** Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc giai đoạn 2018-2025:**

+ Đất ở nông thôn : $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Đất xây dựng nhà ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.

- + Đất vườn ao : 75 m²/người.
- + Đất công trình công cộng : ≥ 5 m²/người.
- + Đất cây xanh – TĐTT : ≥ 2 m²/người.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : ≥ 5 m²/người.

*** Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2018-2025:**

- + Cấp nước : 80lít/người.ngày đêm.
- + Cấp điện : 1000 ÷ 1600 KWh/người/năm.
- + Thoát nước thải : 80% lưu lượng nước cấp.
- + Rác thải : 0.8kg/người/ngày đêm.

4. Phân khu chức năng:

- Đối với không gian trung tâm: Vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, nhà văn hóa, chợ, khu thể thao, trạm y tế, trạm cấp nước, bưu điện,...được nâng cấp, bổ sung đáp ứng tốt sự tiện lợi, thoải quen, tập quán của người dân nơi cư trú và ổn định khu vực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

- Đối với không gian các khu dân cư: Tạo lập sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu đã có từ quy hoạch trước và bổ sung quy hoạch các tuyến dân cư mới trên cơ sở đã có dân cư sinh sống. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục lộ, kênh rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Đối với không gian sản xuất: Chia ra thành 03 tiểu vùng sản xuất tập trung các ấp thuộc xã. Không gian quy hoạch tổng thể được tổ chức gồm khu trung tâm xã 97 tuyến dân chính và phụ.

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, ấp, xóm:

- Khu hành chính tập trung xã Vinh Kim:
 - + Vị trí: Ấp Chà Và.
 - + Diện tích: 0,76 ha.
 - + Mật độ xây dựng: 60%.
 - + Tầng cao trung bình: 02 tầng.
 - + Tầng cao tối đa: 03 tầng.
 - + Nâng cấp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Trạm y tế xã:
 - + Vị trí: Ấp Chà Và.
 - + Diện tích: 0,23 ha.

- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Tầng cao tối đa: 02 tầng.
- + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Trường Tiểu học Vinh Kim A:
- + Vị trí: Ấp Chà Và.
- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Tầng cao tối đa: 02 tầng.
- + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Trạm viễn thông xã:
- + Vị trí: Ấp Chà Và.
- + Diện tích: 0,13 ha.
- + Mật độ xây dựng: 70%.
- + Tầng cao tối đa: 03 tầng.
- + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Nhà văn hóa xã:
- + Vị trí: Ấp Chà Và.
- + Diện tích: 0,25 ha.
- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Tầng cao tối đa: 02 tầng.
- + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Chợ xã:
- + Vị trí: Ấp Chà Và.
- + Diện tích: 0,3ha.
- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Tầng cao tối đa: 01 tầng.
- + Nâng cấp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo ấp, xóm:

- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:
- + Đất ở nông thôn : $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất xây dựng nhà ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất vườn ao : $75 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất công trình công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất cây xanh – TĐTT : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

Ngoài ra đất sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất: tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương.

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

+ Cấp nước : 80lít/người/ngày đêm.

+ Cấp điện : 1000 ÷ 1600 KWh/người/năm.

+ Thoát nước thải : 100% lưu lượng nước cấp.

+ Rác thải : 0,8kg/người/ngày đêm.

+ Thông tin liên lạc: 3 máy/100 dân hoặc 100% hộ có điện thoại di động.

- Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và thủy sản xã Vinh Kim:

Giai đoạn 2018 -2020:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp: 2.510,99 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa: 1.340 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 730 ha.

+ Tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 906,45 ha.

Giai đoạn 2020 -2025:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp: 2.506,11 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa: 1.141,09 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 873,58 ha.

+ Tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 911,33 ha.

5.3. Tổ chức các khu vực sản xuất: Khu vực sản xuất được chia ra thành 03 tiểu vùng, cụ thể:

- **Tiểu vùng 1:** Vị trí nằm ở các ấp: Trà Cuôn, Cà Tum A, Cà Tum B, Mai Hương, Vinh Cửu, một phần nằm ở ấp Chà Và, ấp Rẫy và ấp Rẫy A.

- **Tiểu vùng 2:** Nằm giáp các ấp: Thôn Rôn, Giồng Lớn, Mai Hương, Rẫy và Chà Và.

- **Tiểu vùng 3:** Nằm giáp sông Cỏ Chiên nối liền ấp Rẫy A, ấp Thôn Rôn, ấp Giồng Lớn và ấp Rẫy.

Vùng sản xuất có 09 kiểu sử dụng đất: Nuôi thủy sản công nghiệp, Cây lâu năm, 01 Lúa – Thủy sản, 01 Lúa – khai thác thủy sản tự nhiên; 02 Lúa – 01 màu; 01 Lúa - 2 màu, Chuyên màu, cây ngắn ngày khác. Khai thác thủy sản tự nhiên và rừng phòng hộ. Được sản xuất theo phương thức chuyên canh, luân canh và xen canh đạt tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ một số mô hình điển hình.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, (mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn, bản và vùng sản xuất), công trình đầu mối trong phạm vi xã:

6.1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1.1. Giao thông:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và sản xuất của Nhân dân cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút kêu gọi đầu tư vào địa bàn, cần nhanh chóng xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trên cơ sở cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông hiện hữu, kết hợp với đầu tư xây dựng mới một số đoạn tuyến tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã và phù hợp theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông.

6.1.2. Về cao độ nền – thoát nước mặt:

- Công tác thủy lợi:

+ Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Cần phải nạo vét hệ thống kênh, mương thường xuyên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất và phục vụ nhu cầu cuộc sống của Nhân dân.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình trạng sạt lở bờ sông, bờ kênh gây mất đất sản xuất, bồi lắng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Cần lưu ý việc cấp nước và xử lý nước cho các khu vực nuôi trồng thủy sản chuyên canh.

- Về cao độ nền:

Cao độ khống chế cốt xây dựng được xác định theo cao độ +2,3m (theo cao độ quốc gia, theo quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh).

- Về hệ thống thoát nước:

+ Hướng thoát: Nước mưa chủ yếu thoát nước tự nhiên về các kênh rạch hiện hữu.

+ Khu vực trung tâm xã: Hệ thống mương, cống thoát nước, bố trí hệ thống cống BTCT được bố trí dọc các trục đường chính. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung, xả ra kênh rạch gần nhất.

+ Khu vực các ấp: Sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung và xử lý cục bộ bằng bể tự hoại hợp quy cách trước khi xả trực tiếp qua kênh, rạch.

6.1.3. Về hệ thống cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước: Cấp nước sinh hoạt : \geq 80 lít/người/ngàyđêm

- Nguồn nước: Tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện có phục vụ sinh hoạt và đời sống nhân dân, giai đoạn dài hạn cần nâng cấp để đảm bảo nhu cầu. Các hộ dân rải rác còn lại dùng giếng khoan tự túc. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh

hoạt hợp vệ sinh 100%.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa PVC theo các tuyến giao thông chính.

6.1.4. Về cấp điện:

- Duy trì hệ sử dụng điện thường xuyên an toàn đạt trên 99%.

- Điện năng: Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng 450kwh/người/năm.

- Số giờ sử dụng công suất lớn nhất: 3000h/người.

- Công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của xã hoặc cụm xã.

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng: 20% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Nhu cầu điện phục vụ sản xuất tính theo diện tích sản xuất: 140kw/ha.

- Định hướng cấp điện:

+ Nguồn điện phục vụ được cung cấp từ nguồn điện lưới quốc gia thuộc trạm cấp điện huyện Cầu Ngang.

+ Các tuyến trung thế xây dựng đường dây mới là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép, đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 – 14 m.

+ Các tuyến trung và hệ thế cần tránh vượt ao, hồ, đầm lầy, đường giao thông có mặt cắt ngang lòng đường lớn, các khu vực sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Trạm điện hạ thế và lưới cao, trung, hạ thế trong khu vực điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và cách ly bảo vệ theo quy định hiện hành.

6.1.5. Về hệ thống thông tin liên lạc:

- Điện thoại cố định dự kiến mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: 03 máy/01 cơ sở. Riêng hộ gia đình tùy theo yêu cầu.

- Nguồn cấp:

+ Xây dựng các tuyến thông tin liên lạc chính dọc các đường quy hoạch, dung lượng mỗi tuyến khoảng 500 đôi hoặc cáp quang đầu nối các trạm điện thoại trên vào Bưu điện xã Vinh Kim.

+ Cải tạo, nâng cấp Bưu điện Vinh Kim, xây mới các trạm điện thoại cung cấp dịch vụ thông tin cho khu vực quy hoạch.

7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

+ Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính – công cộng, đạt QCVN 05: 2013/BTNMT

+ Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải tối thiểu là 80%. Bố trí hệ thống ống thu gom nước thải trong khu dân cư về các tuyến ống thoát nước chung.

+ Đảm bảo diện tích cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

+ Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

8.1. Số công trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Giai đoạn 2019 -2020:

+ Số công trình xây dựng cần triển khai: 12.

+ Số công trình giao thông cần triển khai: 11.

+ Số công trình thủy lợi cần triển khai: 08.

+ Số công trình điện cần triển khai: 04.

+ Số công trình cấp thoát nước cần triển khai: 0.

- Giai đoạn 2020 -2025:

+ Số công trình xây dựng cần triển khai: 03.

+ Số công trình giao thông cần triển khai: 09.

+ Số công trình thủy lợi cần triển khai: 05.

+ Số công trình điện cần triển khai: 19.

+ Số công trình cấp thoát nước cần triển khai: 02.

8.2. Tổng dự toán kinh phí cho Đề án điều chỉnh quy hoạch: 126.232 triệu đồng. Trong đó:

- **Giai đoạn 2019 -2020:** Tổng kinh phí: 66.782 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách: 63.045 triệu đồng.

+ Đối ứng: 3.737 triệu đồng.

- **Giai đoạn 2020 -2025:** Tổng kinh phí: 59.450 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách: 50.729 triệu đồng.

+ Đối ứng: 8.721 triệu đồng.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Quy định chi tiết trong quy chế quản lý điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân hưởng thụ.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Việc đầu tư phải do chính người dân đề xuất trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và Quyết định thông qua cộng đồng. Phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư trên địa bàn.

Điều 2. Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Vinh Kim phù hợp với Quyết định này.

Chủ tịch UBND xã Vinh Kim phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới cho các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân biết, thực hiện quy hoạch; chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới theo thẩm quyền và theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Ngang, Thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện, Thủ trưởng các phòng, ban ngành huyện có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vinh Kim căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: XD, NN&PTNT; TN&MT;
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- BCD Nông thôn mới huyện (b/c);
- BLĐVP; NC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hùng